

Bản án số: 02/2026/DS-PT

Ngày 06/01/2026

V/v “*Tranh chấp hợp đồng xây dựng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Việt Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thọ

Bà Trần Thị Thanh Mai

Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Bà Phạm Thị Ngọc Dung - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 26/2025/DSPT ngày 24 tháng 10 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng xây dựng*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 385/2025/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 379/2025/QĐ-PT ngày 28 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 488/2025/QĐ-PT ngày 18 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại S - Địa chỉ: Lô 36 Khu B2-23, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thanh T - Chức vụ: Giám đốc. (Có mặt).

* Bị đơn: Ông Tô Duy H - Sinh năm: 1977 - Địa chỉ: Lô 30/4 phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (nay Lô 30/4 phường H, thành phố Đà Nẵng) - Địa chỉ liên hệ: 30 A, phường H quận N, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Ngọc H và bà Trịnh Nam Phương L - Địa chỉ: 28 T, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. (*Theo Giấy uỷ quyền được phòng công chứng công chứng số 000183, quyển số 01/2025 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/3/2025*). (Ông H có mặt).

- Người kháng cáo: Ông Tô Duy H, là Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

** Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại S trình bày:*

Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại S và ông Tô Duy H có ký Hợp đồng kinh tế số 06/2017/HĐKT/ST-SK ngày 30/5/2017 về việc thi công xây lắp phần thô Dự án nhà ở gia đình ông Tô Duy H tại địa chỉ số 02 T, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Nội dung công việc theo hợp đồng: Thực hiện phần thô, giá trị khối lượng và giá trị các hạng mục công việc theo hồ sơ thiết kế, bản vẽ thi công do chủ đầu tư cung cấp, bao gồm nhân công, vật liệu, máy móc thi công xây lắp của dự án.

Các hạng mục công việc cụ thể như sau:

- Đào đắp đất hố móng, vận chuyển đất thừa đi;
- Biện pháp thi công phần móng tránh sụt lún đất ảnh hưởng đến công trình lân cận;
- Thi công đổ bê tông đài móng, giằng móng, bể nước, bể tự hoại, nền tầng hầm theo đúng thiết kế, thi công toàn bộ cốt pha, cốt thép, bê tông, trụ, vách, dầm sàn, cầu thang từ tầng hầm đến dầm sàn tầng tum mái, phần chóp tròn theo hồ sơ thiết kế
- Thi công xây tường, trát tường trong, tường ngoài, cột, cầu thang theo thiết kế;
- Thi công nhân công lắp đặt toàn bộ hệ thống điện nước đến khi hoàn thành công trình;
- Hoàn thiện toàn bộ mặt tiền (có hoa văn, chỉ phào theo đúng thiết kế), thi công toàn bộ phần lát gạch men, ốp gạch nhà vệ sinh, lợp ngói.

Giá trị hợp đồng trọn gói là 2.389.710.000 đồng (chưa bao gồm VAT).

Đơn giá hợp đồng là đơn giá cố định trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng. Trường hợp phát sinh thêm khối lượng, công việc ngoài hợp đồng, thì chủ đầu tư phải thanh toán cho nhà thầu khối lượng công việc phát sinh đó.

Thời gian thi công theo khoản 5.1 của hợp đồng:

- Thi công phần thô là 90 ngày;
- Tiến độ thi công mặt tiền, đắp hoa văn, phào chỉ là 25 ngày;
- Thời gian bắt đầu thi công theo khoản 7.2a của hợp đồng là 03 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng (30/5/2017)
- Theo Bảng kê tiến độ kèm theo hợp đồng, các bên thỏa thuận thời gian thi công là 112 ngày (trừ ngày lễ, thiên tai).

Về tạm ứng và thanh toán: Nhà thầu tự bỏ chi phí để thi công và được chủ đầu tư thanh toán 80% giá trị khối lượng thực hiện khi hoàn thành từng giai đoạn công việc. Sau khi hoàn thành toàn bộ khối lượng công việc theo hợp đồng, chủ đầu tư phải thanh toán toàn bộ phần giá trị hợp đồng còn lại sau khi khấu trừ 5% giá trị bảo hành công trình giữ lại.

Công ty S đã bắt đầu thi công từ ngày 08/6/2017 và hoàn thành hơn 95% công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng và phần phát sinh, với tổng giá trị thực hiện thực tế (bao gồm VAT), tổng cộng là 2.563.321.133 đồng (giá trị chưa tính thuế VAT là 2.330.291.939 đồng).

Trong quá trình thi công Công ty S đã phải thực hiện thêm một số công việc phát sinh theo yêu cầu của ông Tô Duy H ngoài phạm vi hợp đồng, Do đó, giá trị thực tế đã thực hiện được lớn hơn giá trị công việc ký kết trong hợp đồng. Tuy nhiên, phía chủ đầu tư không ký các biên bản xác nhận giá trị khối lượng hoàn thành để nghiệm thu từng giai đoạn thanh toán cho công ty. Ông Tô Duy H đã đưa ra nhiều lý do không hợp lý buộc Công ty phải làm các công việc ngoài phạm vi hợp đồng và không chịu tổ chức nghiệm thu mặc cho chúng tôi yêu cầu nhiều lần.

Công ty S đã gửi công văn yêu cầu tổ chức nghiệm thu và tạm dừng thi công để làm rõ các vấn đề khúc mắc giữa hai bên, nhưng ông Tô Duy H không có thiện chí hợp tác, giải quyết, trốn tránh nghĩa vụ thanh toán.

Cho đến nay ông Tô Duy H chỉ thanh toán được 1.700.000.000 đồng. Số công nợ còn lại của ông Tô Duy H tổng phải trả cho công ty chúng tôi là 863.321.103 đồng, trong đó giá trị thi công nghiệm thu đến 95% còn lại là 746.806.536 đồng, giá trị 5% bảo hành là 116.514.597 đồng. Ông Tô Duy H cố tình không thanh toán dù chúng tôi đã nhiều lần yêu cầu. Việc không thanh toán của ông Tô Duy H là vi phạm hợp đồng, xâm phạm trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty S.

Công ty S yêu cầu ông Tô Duy H thanh toán nợ, và yêu cầu trả lãi chậm trả. Căn cứ Bản án Dân sự sơ thẩm số 130/2023/DS-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, Bản án Dân sự phúc thẩm xét xử ngày 19/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng tuyên: “ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại S về việc tranh chấp hợp đồng xây dựng đối với ông Tô Duy H. Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại S được quyền khởi kiện lại”.

Công ty TNHH Xây dựng và thương mại S và ông Tô Duy H có ký kết hợp đồng thi công giá trị là 2.389.710.164 đồng. Công ty TNHH Xây dựng và thương mại S đã thực hiện các hạng mục theo bảng tổng hợp giá trị quyết toán với tổng số tiền là 2.563.321.133 đồng (giá trị là 2.330.291.939 đồng và thuế GTGT 10% 233.029.194đ). Ông Tô Duy Hào đã thanh toán cho Công ty TNHH Xây dựng và thương mại S số tiền

1.700.000.000 đồng. Do vậy số tiền còn lại ông Tô Duy H còn phải thanh toán cho Công ty TNHH Xây dựng và thương mại S là 824.390.000 đồng (863.321.103 đồng), trong đó giá trị thi công nghiệm thu đến 95% là 746.806.536 đồng, giá trị 5% bảo hành là 116.514.597 đồng. Tại phiên toà hôm nay, Công ty S thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, Công ty thống nhất giá trị hợp đồng chưa thực hiện theo kết luận giám định là 155.235.318 đồng, Công ty S đồng ý khấu trừ số tiền này vào giá trị hợp đồng, yêu cầu ông H phải trả chi phí phát sinh thay đổi theo yêu cầu của chủ đầu tư từ tường 10cm lên tường 15cm là 15.462.775 đồng, do đó phần việc Công ty đã thực hiện theo hợp đồng tương ứng với giá trị: $2.389.710.000 \text{ đồng} - 155.235.318 \text{ đồng} + 15.462.775 \text{ đồng} = 2.249.937.621 \text{ đồng}$, 10% tiền thuế giá trị gia tăng là 224.993.762 đồng, tổng giá trị phải thanh toán là 2.474.931.383 đồng, ông Tô Duy H đã tạm ứng số tiền 1.700.000.000 đồng, số tiền còn lại phải thanh toán là 774.931.383 đồng.

Tại phiên toà hôm nay, Công ty TNHH Xây dựng và thương mại S thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Tô Duy H phải thanh toán cho Công ty TNHH Xây dựng và thương mại S tổng cộng số tiền là 1.174.854.233 đồng, cụ thể:

1. Buộc ông Tô Duy H phải thanh toán một lần số tiền là 774.931.383 đồng (trong đó giá trị thanh toán phần công việc đã thực hiện là 549.937.621đ và thuế giá trị gia tăng 10% là 224.993.762 đ).

2. Buộc ông Tô Duy H phải trả tiền lãi do chậm thanh toán trên số tiền nợ theo giá trị công việc đã thực hiện 549.937.621 đồng, tính từ ngày 27/3/2018 đến ngày 16/9/2025 với mức lãi suất chậm trả 10%/năm cho Công ty Saiko là: 399.922.850 đồng, trong đó tiền lãi chưa tính 5% tiền bảo hành là 43.744.074 đồng ($549.937.621 \text{ đồng} - 112.496.881 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm}$) + tiền lãi sau khi hết thời hạn bảo hành là 356.178.776 đồng ($549.937.621 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm}/365 \text{ ngày} \times 2.364 \text{ ngày}$).

Công ty TNHH Xây dựng và thương mại S xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với giá trị chênh lệch giá nhân công đối với khối lượng công ty S đã thi công nhưng ông Tô Duy H chưa nghiệm thu thanh toán, tỷ lệ chênh lệch giá nhân công theo quyết định số 3699/QĐ UBND thành phố Đà Nẵng ngày 29/12/2017 so với Quyết định số 361/QĐSXĐ thành phố Đà Nẵng ngày 29/12/2023 với tỷ lệ chênh lệch là 30.94%, Giá trị chênh lệch giá nhân công do chủ đầu tư chưa nghiệm thu từ năm 2017 đến năm 2024 là 267.111.558 đồng và yêu cầu trả chi phí phát sinh lắp lan can hoa văn là 2.000.0000 đồng.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo uỷ quyền của bị đơn trình bày:*

Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì: “Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”. Công ty

TNHH Xây dựng và Thương mại S(Công ty S) có thời hạn trong vòng 03 năm kể từ ngày biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm để thực hiện quyền khởi kiện. Ngày 21/12/2017, Công ty S đã gửi công văn số 2112/2017/CV yêu cầu ông Tô Duy H nghiệm thu và thanh toán, thể hiện việc nguyên đơn đã biết hoặc phải biết quyền và lợi ích của mình bị xâm phạm. Theo đó, thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã hết vào ngày 21/12/2020.

Đơn khởi kiện lần đầu được Công ty Saiko lập ngày 27/3/2018, tại thời điểm này là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án trải qua nhiều cấp xét xử, cho đến ngày 22/9/2023, nguyên đơn tự từ bỏ quyền khởi kiện của mình, thể hiện bằng việc cố tình vắng mặt tại Tòa án, mặc dù đã được triệu tập nhiều lần. Tòa án nhân dân quận Hải Châu đã áp dụng Điểm c Khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 để đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty S. Việc đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Tòa án là có căn cứ, hoàn toàn do lỗi chủ quan của phía nguyên đơn nên không thuộc các trường hợp bất khả kháng, trở ngại khách quan không tính vào thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 156 Bộ luật dân sự 2015.

Đến ngày 24/6/2024, Công ty S nộp lại đơn khởi kiện ông Tô Duy H, tuy nhiên, tại thời điểm này đã quá 03 năm kể từ ngày Công ty S biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm (21/12/2017 - 21/12/2020).

Vì vậy, yêu cầu Tòa án căn cứ quy định tại điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do thời hiệu khởi kiện đã hết.

Hiện nay công trình xây dựng dự án nhà ở gia đình tại địa chỉ số 02 T, quận H, thành phố Đà Nẵng được ông Tô Duy H đã chuyển nhượng cho người khác.

Ông Tô Duy H cũng xác nhận đã thanh toán cho Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại S số tiền 1.700.000.000 đồng. Tuy nhiên giữa các bên không thống nhất được giá trị quyết toán, do vậy bị đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu tranh chấp hợp đồng của nguyên đơn thì cũng đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi và xem xét chi phí ông H phải khắc phục thiệt hại do lỗi của Công ty S làm không đạt yêu cầu nên đề nghị Tòa án thu thập tài liệu chứng cứ đang do Tòa án nhân dân thành phố lưu giữ xét xử vụ án trước đây.

** Với nội dung vụ án như trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 385/2025/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đà Nẵng đã quyết định:*

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 144, Điều 145 và Điều 146 Luật xây dựng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại S đối với ông Tô Duy H.

*** Xử:**

1. Buộc ông Tô Duy H phải thanh toán cho Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại S số tiền là 1.174.854.233 đồng (Một tỷ một trăm bảy mươi bốn triệu tám trăm năm mươi bốn ngàn hai trăm ba mươi ba đồng), trong đó tiền phải thanh toán từ hợp đồng xây dựng là 774.931.383 đồng và tiền lãi từ ngày 27/3/2018 đến ngày 16/9/2025 là 399.922.850 đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại S về việc yêu cầu ông Tô Duy H thanh toán số tiền giá trị chênh lệch phần nhân công đối với khối lượng đã thi công nhưng chưa nghiệm thu thanh toán là 267.111.558 đồng và yêu cầu trả chi phí phát sinh lắp lan can hoa văn là 2.000.0000 đồng.

3. Về án phí: Ông Tô Duy H phải chịu đồng án phí dân sự sơ thẩm là 47.245.626 đồng. Hoàn trả cho Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 31.038.004 đồng theo biên lai thu số 0004913 ngày 04/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu (nay là Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, Bị đơn là ông Tô Duy H có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 385/2025/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đà Nẵng; trong trường hợp không hủy thì đề nghị HĐXX sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại S.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng phát biểu về việc giải quyết vụ án như sau:

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết: Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Đỗ Xuân C vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, mặt khác Người đại diện của Bị đơn có Đơn đề nghị Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ nhưng không trả lời đơn là không đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Tô Duy H và tuyên hủy bản án dân sự sơ thẩm số 385/2025/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đà Nẵng; Giao hồ sơ về Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đà Nẵng để xét xử sơ thẩm lại đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa phúc thẩm, Người đại diện theo ủy quyền của ông Tô Duy H giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm; trong trường hợp không hủy thì đề nghị sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại S. Xét kháng cáo của ông Tô Duy H thì thấy:

*** Về thủ tục tố tụng:**

[1] Đối với yêu cầu áp dụng thời hiệu của ông Tô Duy H đối với Hợp đồng kinh tế số 06/2017/HĐKT/ST-SK ngày 30/5/2017:

Đơn khởi kiện lần đầu được Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại S (gọi tắt là Công ty S) nộp đến Tòa án ngày 27/3/2018, Tòa án nhân dân quận Hải Châu thụ lý vụ án số 31/2018/TLST-DS ngày 06/4/2018; ngày 04/6/2021 vụ án được xét xử tại Bản án số 34/2021/DS-ST. Ngày 26/8/2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có Quyết định giám đốc thẩm số 35/2022/DS-GĐT hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2021/DS-ST ngày 04/6/2021 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận Hải Châu để xét xử theo thủ tục sơ thẩm. Ngày 22/9/2023 Tòa án nhân dân quận Hải Châu có Bản án số 120/2023/DS-ST xét xử vụ án, đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty S, sau đó Công ty S kháng cáo; tại Bản án dân sự phúc thẩm số 122/2024/DS-PT ngày 19/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định, đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty S về việc tranh chấp hợp đồng xây dựng đối với ông Tô Duy Hào. Ngày 24/6/2024 Công ty S có đơn khởi kiện ông Tô Duy H về việc “*Tranh chấp hợp đồng xây dựng*”. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời gian tranh chấp từ năm 2018 đến năm 2024 là trở ngại khách quan không tính vào thời

hiệu khởi kiện là có căn cứ, phù hợp Điều 156 của Bộ luật dân sự 2015. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của ông Tô Duy H đề nghị hủy Bản án dân sự sơ thẩm với lý do hết thời hiệu khởi kiện.

[2] Đối với đề nghị Hủy bản án dân sự sơ thẩm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa với lý do Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Đỗ Xuân C vào tham gia tố tụng với tư cách Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và không trả lời đơn đề nghị Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ của ông Tô Duy H:

Trong quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự cùng thống nhất căn cứ Bản giám định số 158TT/18CV ngày 24/9/2018 Công ty TNHH giám định C để làm cơ sở giải quyết vụ án, theo Bản giám định này thể hiện thực tế khối lượng công việc mà Công ty S đã làm và chưa làm; công việc đã làm đúng hay sai thỏa thuận nên việc ông Đỗ Xuân C có hay không ký vào biên bản giám sát thi công là không cần thiết.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án ông Hào cũng xác định có ủy quyền cho ông Đỗ Xuân C giám sát thi công, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm Người đại diện theo ủy quyền của ông Hào không phủ nhận mà cho rằng không biết nội dung trên.

Cũng tại phiên tòa phúc thẩm Người đại diện theo ủy quyền của ông H trình bày: trong trường hợp các đương sự thỏa thuận với nhau về hướng giải quyết vụ án thì ông H chấp nhận thanh toán số tiền gốc là 774.931.383 đồng chứ không đồng ý thanh toán tiền lãi, nghĩa là ông H thừa nhận Công ty S còn nợ số tiền thi công theo hợp đồng là 774.931.383 đồng nên không cần thiết đưa ông Đỗ Xuân C vào tham gia tố tụng với tư cách Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mà nếu có cũng chỉ tham gia với tư cách Người làm chứng.

Tòa án cấp sơ thẩm không trả lời đơn đề nghị thu thập tài liệu, chứng cứ của ông Hào là có thiếu sót nhưng không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Đỗ Xuân C vào tham gia tố tụng với tư cách Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như không trả lời đơn đề nghị thu thập tài liệu, chứng cứ của ông H không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như trình bày của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

*** Về nội dung:**

[3] Đối với yêu cầu thanh toán giá trị theo hợp đồng thi công với số tiền là 774.931.383 đồng:

Theo thỏa thuận tại Hợp đồng thi công thì giá trị hợp đồng trọn gói là 2.389.710.000 đồng (*Kèm theo Bảng đơn giá dự thầu hạng mục công trình*), chưa bao gồm thuế GTGT 10%. Công ty S đã thực hiện các công việc theo thỏa thuận tại hợp đồng, tuy nhiên Công ty S thi công không đúng với thiết kế, kỹ thuật vi phạm hợp đồng, ông Hào yêu cầu Công ty S bồi thường thiệt hại và đã được giải quyết tại Bản án dân sự

phúc thẩm số 122/2024/DS-PT ngày 19/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Tại Báo cáo giám định số 158TT/18CV ngày 24/9/2018 Công ty TNHH giám định C đã xác định tỷ lệ công việc Công ty S đã hoàn thành so với hợp đồng, theo đó các bên ký kết thì giá trị phần chưa hoàn thành theo Hợp đồng là 155.235.318 đồng, do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần giá trị công việc của Công ty S đã thực hiện tương ứng với giá trị hợp đồng trừ đi phần giá trị chưa hoàn thành theo kết luận giám định là 2.234.474.682 đồng (2.389.710.000 đồng - 155.235.318 đồng) là có cơ sở.

[4] Đối với yêu cầu thanh toán phần giá trị phát sinh so với hợp đồng là 15.462.775 đồng: Theo Nhật ký thi công ngày 18/6/2017, biên bản xử lý hiện trường ngày 15/8/2017 và biên bản nghiệm thu công việc xây dựng ngày 20 và 21 tháng 9 năm 2017 thì phần tăng tiết diện xây tường ngăn từ tường 10cm theo thiết kế lên tường 15cm là theo yêu cầu của chủ đầu tư, ông Đỗ Xuân C giám sát ký xác nhận chi phí phát sinh. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông H phải thanh toán cho Công ty S số tiền 15.462.775 đồng là có căn cứ.

Do vậy, giá trị phần công việc Công ty S đã thực hiện cho ông Tô Duy H là 2.234.474.682 đồng + 15.462.775 đồng = 2.249.937.457 đồng. Trong đó tiền bảo hành 5% phần khối lượng thực hiện tương ứng với giá trị phần công việc đã thực hiện là 112.596.872 đồng (thanh toán sau 12 tháng kể từ ngày TVGS và Chủ đầu tư chấp thuận nghiệm thu chuyển giai đoạn). Do các bên không thực hiện nghiệm thu được nên thời hạn thanh toán 5% tiền bảo hành sau 12 tháng kể từ ngày các bên có tranh chấp.

[5] Đối với yêu cầu thanh toán tiền thuế giá trị gia tăng 10% là 224.993.745 đồng:

Theo quy định của pháp luật thì thuế GTGT là loại thuế gián thu sẽ cộng vào giá bán hàng hóa, dịch vụ và do người tiêu dùng trả khi sử dụng sản phẩm đó. Như vậy, người chịu thuế GTGT thực tế là người tiêu dùng nhưng người nộp thuế GTGT là các cơ sở kinh doanh. Công ty S đã thực hiện phần công việc thay cho ông H tương ứng giá trị hợp đồng đã thực hiện là 2.249.937.457 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông H có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty S số tiền 224.993.745 đồng để Công ty S thực hiện nộp thuế GTGT cho cơ quan Thuế theo quy định là phù hợp.

Như vậy, tổng số tiền ông H phải thanh toán cho Công ty S là 2.474.931.383 đồng (2.249.937.457 đồng + 224.993.745 đồng). Ông H đã tạm ứng cho Công ty S số tiền 1.700.000.000 đồng nên ông H phải tiếp tục thanh toán cho Công ty S số tiền thi công theo hợp đồng là 774.931.383 đồng (2.474.931.383 đồng – 1.700.000.000 đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm, Người đại diện theo ủy quyền của ông H cho rằng ông H đã thanh toán cho Công ty S số tiền 1.700.000.000 đồng nhưng Công ty S chưa xuất hóa đơn là không đúng, tuy nhiên theo quy định của pháp luật thì Công ty S chỉ xuất hóa đơn

khi có biên bản nghiệm thu nhưng do ông H không chịu nghiệm thu công trình nên số tiền trên chỉ là tạm ứng nên chưa xuất hóa đơn như lời trình bày của Đại diện Công ty S là có căn cứ.

[6] Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi của Công ty S:

Tại phiên tòa phúc thẩm, Người đại diện theo ủy quyền của ông H cho rằng Công ty S chưa hoàn thành 100% khối lượng công việc nên theo Điều 8.2 của Hợp đồng thì chưa đủ điều kiện để nghiệm thu công trình, do vậy ông H không phải thanh toán tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ. Tuy nhiên, Ngày 21/12/2017 Công ty S đã gửi công văn số 2112/2017/CV yêu cầu ông H tổ chức nghiệm thu công trình nhưng không nhận được sự hợp tác của ông H nên lời trình bày của Người đại diện theo ủy quyền của ông H là không phù hợp.

Ngày 13/01/2018 Công ty S lập bảng tổng hợp giá trị quyết toán nhưng do các bên không thống nhất nên Công ty S có đơn khởi kiện đến Tòa án ngày 27/3/2018 nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu tính lãi của Công ty S đối với số tiền ông H chậm thanh toán từ ngày 27/3/2018 đến ngày ngày 16/9/2025 (Ngày xét xử sơ thẩm tương ứng 2.729 ngày) với mức lãi suất 10%/năm, cụ thể: tiền lãi chậm trả đối với số tiền chưa đến hạn thanh toán 5% tiền bảo hành là 43.744.074 đồng ($437.440.740 \text{ đồng} \times 10\%/năm$) + tiền lãi chậm trả hết thời hạn bảo hành là 356.178.776 đồng ($549.937.621 \text{ đồng} \times 10\%/năm/365 \text{ ngày} \times 2.364 \text{ ngày}$). Tổng số tiền lãi là: 399.922.850 đồng là phù hợp quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm, Người đại diện theo ủy quyền của ông H cho rằng: theo Bản án dân sự phúc thẩm số 122/2024/DS-PT ngày 19/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã xác định nguyên nhân thiệt hại do lỗi của cả Công ty S và ông H, mỗi bên 50% nên cần xem xét để buộc ông H phải trả tiền lãi chậm trả cho Công ty S tương ứng với lỗi các bên. Tuy nhiên, Bản án dân sự phúc thẩm số 122/2024/DS-PT ngày 19/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng là giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại cần xem xét đến lỗi các bên nhưng đối với vụ án này thì Công ty S yêu cầu ông H thanh toán tiền thi công công trình và tiền lãi do chậm nghĩa vụ thanh toán nên lời trình bày của Người đại diện theo ủy quyền của ông H không được chấp nhận.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty S rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Tô Duy H thanh toán số tiền giá trị chênh lệch phần nhân công đối với khối lượng đã thi công nhưng chưa nghiệm thu thanh toán là 267.111.558 đồng và yêu cầu trả chi phí phát sinh lắp lan can hoa văn là 2.000.0000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu này là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, HĐXX thấy Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Tô Duy H có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty S số tiền thi công theo hợp đồng là 774.931.383 đồng

và tiền lãi là 399.922.850 đồng, tổng cộng là 1.174.854.233 đồng là có căn cứ. Do vậy không HĐXX không chấp nhận kháng cáo của ông Tô Duy H và giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm số 385/2025/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đà Nẵng.

Xét lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là không phù hợp với nhận định của HĐXX nên không chấp nhận.

[8] Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Do buộc ông Tô Duy H phải trả cho Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại S số tiền 1.174.854.233 đồng nên ông Tô Duy H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 36.000.000 đồng + $(374.854.233 \text{ đồng} \times 3\%) = 47.245.626 \text{ đồng}$.

Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 31.038.004 đồng theo biên lai thu số 0004913 ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (nay là Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng).

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên ông Tô Duy H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003669 ngày 14 tháng 10 năm 2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ vào Điều 280 Bộ luật dân sự;
- Căn cứ các Điều 144, 145 và 146 Luật xây dựng
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Tô Duy H. Giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm số 385/2025/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đà Nẵng.

Xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại S về việc yêu cầu ông Tô Duy H thanh toán số tiền giá trị chênh lệch phần nhân công đối với khối lượng đã thi công nhưng chưa nghiệm thu thanh toán là 267.111.558 đồng và yêu cầu trả chi phí phát sinh lắp lan can hoa văn là 2.000.0000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại S đối với ông Tô Duy H.

Buộc ông Tô Duy H phải thanh toán cho Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại S số tiền phải thanh toán từ hợp đồng xây dựng là 774.931.383 đồng và tiền lãi từ ngày 27/3/2018 đến ngày 16/9/2025 là 399.922.850 đồng, tổng cộng là 1.174.854.233 đồng. *(Một tỷ một trăm bảy mươi bốn triệu tám trăm năm mươi bốn ngàn hai trăm ba mươi ba đồng).*

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm ông Tô Duy H phải chịu là 47.245.626 đồng.

Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 31.038.004 đồng theo biên lai thu số 0004913 ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (nay là Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng).

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Án phí dân sự phúc thẩm ông Tô Duy H phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003669 ngày 14 tháng 10 năm 2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Khu vực 1 - Đà Nẵng;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- VKSND TP. Đà Nẵng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

- Lưu: Hồ sơ vụ án (1b), Tổ nghiệp vụ - Văn phòng (1b).

Vũ Việt Dũng